

**MST: 0106869738**

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2018

**PHỤ LỤC 4:  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
NĂM 2018 CỦA DOANH NGHIỆP**

*(đã được Chủ tịch Tổng công ty phê duyệt tại  
tờ trình số 1071./TTr-VNPT VNP-NS ngày 16/3/2018 của Tổng công ty)*

**I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm trước**

**1.1. Khái quát về thị trường, tình hình SXKD trong năm 2017:**

Năm 2017, kinh tế thế giới chuyển biến tích cực với đà tăng trưởng khả quan từ kinh tế Mỹ và các nước phát triển. Tình hình kinh tế - xã hội trong nước với các yếu tố hỗ trợ từ chuyển biến của kinh tế thế giới, những cải thiện về môi trường đầu tư - kinh doanh, triển vọng hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời còn có những khó khăn, thách thức và chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt tại Miền trung. Thị trường viễn thông, CNTT có sự chuyển hướng dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đồng thời tiếp tục có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các nhà mạng. Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông gặp rất nhiều khó khăn bởi sự cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp cùng tham gia kinh doanh dịch vụ, nhu cầu đòi hỏi của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ, chất lượng chăm sóc khách hàng ngày càng cao, việc thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu và đặc biệt là phát triển thuê bao của Tổng công ty.

**1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:**

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017 đạt 39.825,606 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 1.313,303 tỷ đồng.
- Tổng nộp NSNN: 1.219,341 tỷ đồng.
- Thuê bao viễn thông:
  - Tổng số thuê bao điện thoại đạt trên 34 triệu thuê bao, trong đó thuê bao cố định (có dây, không dây) đạt 3,1 triệu thuê bao; thuê bao di động đạt 31,1 triệu thuê bao.
  - Tổng số thuê bao Internet băng rộng đạt 4,6 triệu thuê bao, trong đó thuê bao FiberVNN đạt 4,1 triệu thuê bao.
- Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh:  
Tổng mức đầu tư 646,525 tỷ đồng
  - + Triển khai và hoàn thành 4 dự án đầu tư cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh của các đơn vị thuộc Tổng Công ty.
  - + Triển khai công tác đầu tư xây dựng Trung tâm Công nghệ cao Bưu chính Viễn thông (cơ bản thi công xong phần thân công trình, đang triển khai các gói thiết bị của tòa nhà).

## **II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018**

### **2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

- Kế hoạch về lợi nhuận (trước thuế): 1.400 tỷ đồng, trong đó doanh thu VT-CNTT: 43.060 tỷ đồng.

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:

+ Thuê bao di động: 3.074.600 thuê bao

+ Thuê bao băng rộng cố định: 870.300 thuê bao

- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm:

+ Tập trung phát triển các dịch vụ, sản phẩm mới, các dịch vụ giá trị gia tăng và công nghệ thông tin cho thị trường để tạo doanh thu bù đắp sự suy giảm doanh thu của các dịch vụ truyền thống.

+ Tập trung kinh doanh các dịch vụ đem lại nguồn doanh thu, lợi nhuận cao và có tốc độ tăng trưởng tốt như di động, băng rộng, dịch vụ data, dịch vụ truyền hình, truyền thông...

### **2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển**

Năm 2018 Tổng Công ty đăng ký và được Tập đoàn tạm giao Kế hoạch đầu tư với tổng số vốn đầu tư 654,641 tỷ đồng. Trong đó:

+ Vốn cho các dự án tập trung là: 461,260 tỷ đồng

+ Vốn phân cấp khả dụng là: 193,381 tỷ đồng.

## **III. Các giải pháp thực hiện:**

**1. Giải pháp về tài chính:** Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh các quy định, cơ chế kinh tế và cơ chế điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực cho các đơn vị, người lao động kinh doanh trực tiếp; Giám sát chặt chẽ tiến độ, hiệu quả các dự án đầu tư, đặc biệt đối với các dự án đầu tư trọng điểm; Tập trung chỉ đạo, giám sát các đơn vị thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản ... chuẩn bị cho công tác cổ phần hoá VNPT.

**2. Giải pháp về sản xuất:** Tăng cường số hóa trong các hoạt động bán hàng (kênh Online), chăm sóc khách hàng (tích điểm hội viên qua hệ thống Vpoint cho cả dịch vụ di động và hữu tuyến, online qua Mobile App và Auto Chat/ Auto Reply), thanh toán trực tuyến qua công VNPT Pay; Tăng cường hợp tác với các chuỗi, siêu thị triển khai bán dịch vụ di động, Data; tập trung xây dựng lực lượng cộng tác viên rộng khắp tại từng địa bàn.

**3. Giải pháp về quản lý và điều hành:** Xây dựng kịch bản, chính sách kinh doanh theo từng nhóm thị trường đối với dịch vụ di động, băng rộng để triển khai bám sát theo chiến lược VNPT 3.0; Ứng dụng hệ thống BI trong việc xây dựng sản phẩm phù hợp, phân tích hành vi tiêu dùng của khách hàng để giữ và gia tăng dịch vụ trên một khách hàng.

**4. Giải pháp về nguồn nhân lực:** Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ bán hàng, đặc biệt là bán hàng các dịch vụ/gói dịch vụ mới, các dịch vụ CNTT, dịch vụ GTGT.

**5. Giải pháp về marketing:** Tinh giản thương hiệu và truyền thông với tầm nhìn kinh doanh dài hạn - Thương hiệu tập trung môi trường số và data di động; Nâng cao trải nghiệm của khách hàng bằng phân loại các phân khúc và cung cấp các sản phẩm theo hướng cá thể hoá.

**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
NĂM 2018**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu	Thuê bao	
	+ Di động	Thuê bao	3.074.600
	+ Băng rộng cáp quang	Thuê bao	870.300
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng	2,823
3	Doanh thu VT-CNTT	Tỷ đồng	43.060
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.400
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	654,641
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Tô Dũng Thái**